TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2019
Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Doãn Thắng

Ông Lương Mạnh Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lường Thị V, sinh năm 1985; địa chỉ thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Quản Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 23/10/2018, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Lường Thị V trình bày: Trước khi kết hôn được tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được tổ chức cưới, hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 06/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (quê chị Lường Thị V). Sau khi cưới vợ chồng hạnh phúc, có hai con chung. Mâu thuẫn vợ, chồng phát sinh từ cuối 2012, do anh Quản Văn H lấy cớ đi làm ăn, thường xuyên vắng nhà, cho rằng làm ăn thua lỗ, nên cáu gắt mắng chửi, đánh chị, đặc

biệt có hai lần đánh chị phải nhập viện. Năm 2015 anh Quản Văn H còn làm đơn gửi Tòa án huyện B đề nghị xin ly hôn, do con còn nhỏ chị cố gắng chịu đựng, nhưng anh Quản Văn H vẫn không thay đổi. Thấy cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, cố ở cùng nhau cũng không có hạnh phúc, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, chị Lường Thị V yêu cầu xin được ly hôn với anh Quản Văn H.

Về con chung: Chị Lường Thị V trình bày có hai con chung Quản Minh P, sinh ngày 19/12/2010 và Quản Thu P, sinh ngày 15/6/2012, hiện tại cháu Quản Minh P đang ở cùng anh Quản Văn H; còn cháu Quản Thu P ở cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Quản Thu P, còn anh Quản Văn H nuôi cháu Quản Minh P, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lường Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; về vay nợ chung chị cam kết không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Quản Văn H trình bày: Về thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn đúng như chị Lường Thì V đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc có hai con chung. Do anh làm nghề mua bán lâm sản, nên thường xuyên phải đi làm ăn xa, vì công việc làm ăn không thuận lợi bị thua lỗ, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, vì bực tức nên năm 2015 anh có làm đơn xin ly hôn, nhưng chỉ để dọa chứ thực chất vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không đánh đập, chửi mắng gì mà vợ chồng chỉ có cãi nhau lời qua tiếng lại. Còn khi chị Lường Thị V làm đơn xin ly hôn, lúc đó anh còn đang chấp hành án phạt tù, nên đã đồng ý. Nay anh đã chấp hành xong án phạt tù, muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau làm ăn nuôi dạy con chung, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung như chị Lường Thị V đã trình bày, nếu chị Lường Thị V nhất quyết xin ly hôn, anh Quản Văn H không đồng ý để chị Lường Thị V nuôi cháu Quản Thu P, vì có thời gian chị đã tự bỏ nhà đi để hai con cho anh và ông bà nội nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại bản tự khai ngày 19/12/2018 và tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/12/2018 anh Quản Văn H đều trình bày vợ chồng không có tài sản hay vay nợ chung. Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Quản Văn H yêu cầu nếu vợ chồng ly hôn thì chị Lường Thị V phải có trách nhiệm trả một nửa tiền nợ chung khoảng hơn 500 triệu đồng, là tiền vay làm ăn chung vợ chồng, vay của người thân trong gia đình, khi vay không có giấy tờ gì.

Tại phiên tòa chị Lường Thị V vẫn khẳng định vợ chồng không tạo lập được tài sản gì chung, cũng không có nợ chung. Còn anh Quản Văn H làm ăn, vay mượn nợ ai, thế nào chị không biết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ đúng luật định, không có kiến

nghị gì. Về nội dung, đề nghị căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lường Thị V được ly hôn với anh Quản Văn H; về con chung căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cho mỗi người nuôi một con chung như yêu cầu của chị Lường Thị V là phù hợp. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét; chị Lường Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định. Về yêu cầu trả nợ chung của anh Quản Văn H, do trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Quản Văn H không yêu cầu, do vậy yêu cầu trả nợ chung không được xem xét trong vụ án này; trường hợp sau ly hôn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì giải quyết bằng một vụ việc khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, chị Lường Thị V và anh Quản Văn H có thời gian chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 06/01/2006 đúng luật định, nên quan hệ vợ chồng được pháp luật thừa nhận.

[2] Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ, thấy quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, có 02 người con chung. Về mẫu thuẫn vợ chồng là có, chính anh Quản Văn H thừa nhận vợ chồng có cãi mắng nhau, dẫn đến có thời gian chị Lường Thị V phải bỏ đi. Việc anh Quản Văn H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, vẫn hạnh phúc cũng không đúng thực tế, vì chính năm 2015 anh Quản Văn H đã tự làm đơn xin ly hôn, còn việc anh cho rằng xin ly hôn là để dọa vợ, cũng là không phù hợp. Hơn nữa khi chị Lường Thị V làm đơn xin ly hôn, tại bản khai, phiên hòa giải anh Quản Văn H đều đồng ý ly hôn, nay lại mong muốn đoàn tụ và còn cho rằng nếu ly hôn thì chị Lường Thị V phải trả một nửa tiền nợ thì mới đồng ý ly hôn. Điều này thể hiện thực chất anh Quản Văn H không hoàn toàn mong muốn đoàn tụ, nên có bác đơn khuyên đoàn tụ cũng không hạnh phúc. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Lường Thị V được ly hôn với anh Quản Văn H.

[3] Về con chung, xác định có hai con chung là cháu Quản Minh P, sinh ngày 19/12/2010 và cháu Quản Thu P, sinh ngày 15/6/2012. Tại phiên tòa anh Quản Văn H cho rằng nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung, với lý do chị Lường Thị V đã có thời gian bỏ đi và để lại hai con chung cho anh nuôi dưỡng, nên anh không đồng ý cho chị được nuôi một con chung. Tuy nhiên, khi xem xét hoàn cảnh thực tế hiện chị Lường Thị V vẫn sinh sống, làm ăn buôn bán tại thôn N, xã T, huyện B, bản thân không bị hạn chế về năng lực hành vi, có đủ điều kiện nuôi con. Do hai vợ chồng có hai con chung, để bảo đảm trách nhiệm và quyền nuôi con của cha, mẹ khi ly hôn, thấy cần giao cho mỗi người được nuôi một con chung là phù hợp. Căn cứ biên bản lấy lời khai của cháu Quản Minh P ngày 04/01/2019 thì cháu có nguyện vọng ở cùng bố. Do vậy, cần giao cháu Quản Minh P cho anh Quản Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao cháu Quản Thu P cho chị Lường Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền đi lại thăm nom các con chung, không ai được ngăn cản là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung. Hai bên đương sự đều trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; còn về nợ chung tại bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các đương sự cam kết không có nợ chung và không yêu cầu gì. Nay tại phiên tòa anh Quản Văn H lại yêu cầu giải quyết về nợ chung, căn cứ khoản 2 Điều 210 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, trường hợp sau ly hôn nếu các bên có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng một vụ việc khác theo luật định.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị Lường Thị V phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng quyết định trong việc giải quyết vụ án.

[7] Về ý kiến tranh luận: Ý kiến về yêu cầu được đoàn tụ, yêu cầu nuôi cả hai con chung nếu ly hôn của anh Quản Văn H là không có căn cứ, không phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành, nên không được chấp nhận như nhận định nêu trên.

Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân, xử: Cho chị Lường Thị V được ly hôn với anh Quản Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lường Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Quản Thu P, sinh ngày 15/6/2012 đến khi đủ 18 tuổi; giao cho anh Quản Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Quản Minh P, sinh ngày 19/12/2010 đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lường Thị V và anh Quản Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền đi lại thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lường Thị V phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, sung công quỹ nhà nước. Được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị Lường Thị V đã nộp tại biên lai số AA/2015/0000567 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- CC.THA DS H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- UBND xã S, huyện V, tỉnhThái Nguyên (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS + Tổ HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Xuân Tĩnh